TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2024/HS-PT
Ngày 09 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 147/2024/TLPT-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024, đối với các bị cáo **Võ Văn T, Nguyễn Văn C, Phạm Trí D, Trần Phú H**. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2023/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 287/2024/QĐXXPT-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024, đối với các bị cáo:

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Văn T (**T1**), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1976 tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 04/12; Giới tính: Nam; Con ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Đ; Có vợ: Phạm Thị Lệ H1 và con có 04 người; Tiền sự, tiền án: không. Đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm và xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"* theo các điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa xét xử).

2. Nguyễn Văn C, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979 tại huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: tổ E, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị T2; Có vợ: Đỗ Thị Mỹ T3 và con có 02 người; Tiền sự, tiền án: Không. Đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên

Giang xét xử sơ thẩm và xử phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội *"Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"* theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa xét xử).

3. Phạm Trí H2, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1964 tại huyện C, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Con ông Phạm Văn N1 và bà Khưu Thị D1; Có vợ: Cao Thị Bích T4 và con có 02 người; Tiền sự, tiền án: không. Đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm và xử phạt 02 (hai) năm tù về tội *"Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"* theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa xét xử).

4. Trần Phú H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: tổ B, ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Trần Phú T5 và bà Võ Thị B; Có vợ: Đoàn Thanh N2 và con ruột có 01 người; Tiền sự, tiền án: không. Đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm và xử phạt 02 (hai) năm tù về tội *"Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"* theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa xét xử).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 06 tháng 4 năm 2021, Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường đã tiến hành kiểm tra và bắt quả tang Nguyễn Văn M đã tổ chức thuê các đối tượng Trần Phú H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T6, Trần Văn L, Dương Bửu T7, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Quốc L1, Đặng Văn T8 và Nguyễn Thế C2 để khai thác khoáng sản trái phép (đất) tại đất thuộc quyền sử dụng của ông M, địa chỉ tại kênh D, tổ I, ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 05) từ cuối năm 2020 đến ngày bị bắt quả tang.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kiên Giang đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1278/QĐ-XPVPHC xử phạt ông Nguyễn Văn M về các hành vi *"Khai thác khoáng sản mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ T20)"* và *"Bán khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp"*.

Sau khi bị bắt quả tang, Nguyễn Văn M đã thỏa thuận chuyển nhượng lại thửa đất địa chỉ tổ I, ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang cho Võ Văn T với giá 400.000.000 đồng, T trả trước cho ông M 30.000.000 đồng. Cả hai chưa lập hợp đồng công chứng, chỉ chuyển nhượng bằng giấy viết tay, nhưng đến nay cũng đã thất lạc.

Nhận chuyển nhượng thửa đất tại tổ I, ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang, mặc dù biết đất chưa được cấp phép khai thác, nhưng từ ngày 15 tháng 5 năm 2021 đến ngày 04 tháng 8 năm 2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Kiên Giang bắt quả tang, Võ Văn T đã thuê một số đối tượng thực hiện khai thác khoáng sản trái phép, cụ thể:

T thuê Phạm Trí H2 đo tính số lượng, bán, thu và quản lý tiền khai thác khoáng sản với số tiền 8.000.000 đồng/tháng (H2 đã nhận 15.000.000 đồng), thuê Nguyễn Văn H4 bơm nước với số tiền 3.000.000 đồng/tháng, thuê Nguyễn Văn C thực hiện khai thác và vận chuyển khoáng sản với số tiền 827.250.000 đồng (tám trăm hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). C thuê Lê Văn H5, Phạm Văn S điều khiển máy đào bánh xích hiệu SUMITOMO và HITACHI (không biển số kiểm soát) khai thác khoáng sản lên xe với số tiền 63.318.600 đồng (sáu mươi ba triệu ba trăm mười tám nghìn sáu trăm đồng), thuê Trần Phú H với số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) và một người tên S1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) điều khiển xe ô tô tải, biển số kiểm soát 70C-034.33 và 70K-4749 (mượn của chủ sở hữu là ông Bùi Minh N3) vận chuyển khoáng sản xuống sà lan biển số kiểm soát AG.24149 (ông Nguyễn Văn H6 là chủ sở hữu), do Lê Văn P điều khiển. Theo kết quả đo đạc tại ngày bắt quả tang, số lượng khoáng sản khai thác trái phép là 47,5m^3. Theo Kết quả điều tra và T khai nhận, từ ngày 15 tháng 5 năm 2021 đến ngày 04 tháng 8 năm 2021, T đã tổ chức khai thác khoáng sản trái phép tổng cộng là 34.502,5m^3, trong đó đã bán 34.455m^3 (đất đỏ 31.830m^3, đất đen 2.625m^3), bị bắt quả tang 47,5m^3.

Theo Kết luận định giá tài sản số 68/KL-HĐĐGTS ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Kiên Giang xác định giá trị khoáng sản đất sét bị khai thác trái phép nêu trên. Đơn giá khoáng sản đất sét = 144.000 đồng/m^3 có tổng giá trị là 4.968.360.000 đồng (bốn tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Đối với Phạm Trí H2 không bị bắt quả tang ngày 06 tháng 4 năm 2021, nhưng khi Võ Văn T thuê H2 để đo tính số lượng khoáng sản đã khai thác, bán, thu và quản lý tiền thì H2 có biết việc đất đã bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa được cấp phép khai thác nhưng vẫn chấp nhận làm thuê cho T. Quá trình điều tra xác định, trong các quyển sổ ghi chép việc khai thác khoáng sản trái phép có chữ ký xác nhận của Trần Đức T9 và trong tài khoản ngân hàng có chuyển tiền cho T9. Qua làm việc với T9, T thì giữa hai người có mối quan hệ kinh doanh mua bán lúa chung, T9 đưa tiền cho T đi thu mua lúa nên T có chuyển khoản lại tiền mua lúa chênh lệch cho T9 và T9 có ký nhận tiền trong sổ ghi, do đó chưa đủ căn cứ chứng minh việc phạm tội của T9.

Hành vi của Phạm Văn S giúp sức để khai thác trái phép, Đỗ Thị Mỹ T3 là vợ của C, giúp C nhận tiền mua bán khoáng sản trái phép qua tài khoản cá nhân, Võ Văn D2 cho mượn đất liền kề để Mưa đổ đất lên, tuy nhiên những người này không biết địa điểm này chưa được cấp phép khai thác nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Riêng đối tượng tên S1 chưa xác định được nhân thân,

lai lịch đã nghỉ trước ngày bắt quả tang. Lê Văn H5, Lê Văn P, Nguyễn Văn H4 sau khi bắt quả tang, đã bỏ đi khỏi địa phương nên không mời về làm việc để làm rõ được hành vi phạm tội, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau. Đối tượng Nguyễn Văn M có hành vi bán đất cho bị can T, quá trình điều tra xác định sau khi bị bắt quả tang ngày 06 tháng 4 năm 2021, M đã chuyển nhượng lại mảnh đất tại tổ I, ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên hành vi khai thác khoáng sản từ ngày 15 tháng 5 năm 2021 đến ngày 04 tháng 8 năm 2021 không liên quan đến Mưa, do đó không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, với số lượng khoáng sản bị khai thác trái phép từ cuối năm 2020 đến ngày 06 tháng 4 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý Mưa bằng một vụ án khác.

Từ ngày 15 tháng 5 năm 2021 đến ngày 04 tháng 8 năm 2021, Phạm Trí H2 giúp Võ Văn T bán, thu tiền khai thác khoáng sản bằng hai hình thức: Thu tiền mặt qua tài khoản tại V3 là 1.536.508.000 đồng (một tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu năm trăm linh tám nghìn đồng), cụ thể thu của những người sau: Trần Hồng T10 thực hiện 08 giao dịch với số tiền 138.500.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), Huỳnh Minh S2 thực hiện 12 giao dịch với số tiền 121.498.000 đồng (một trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng), Nguyễn Ngọc S3 thực hiện 09 giao dịch với số tiền 131.500.000 đồng (một trăm ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng), Võ Quang V và vợ Đào Thị Thúy L2, thực hiện 15 giao dịch với số tiền 372.550.000 đồng (ba trăm bảy mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), Phạm Văn Phước T11 và con Phạm Thị Thúy N4 thực hiện 16 giao dịch với số tiền 108.000.000 đồng (một trăm linh tám triệu đồng), Nguyễn Văn H6 thực hiện 22 giao dịch với số tiền 135.150.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), Nguyễn Hữu T12 và con Nguyễn Thị Thu L3 thực hiện 10 giao dịch với số tiền 103.200.000 đồng (một trăm linh ba triệu hai trăm nghìn đồng), Nguyễn Thị Yến N5 nộp tiền mặt 03 lần với số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), Huỳnh Trọng N6 thực hiện 02 giao dịch với số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), Nguyễn Thanh T13 thanh toán dùm người tên Nguyễn Thị H7 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) 03 lần với số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), Nguyễn Hoàng Vũ L4 thanh toán dùm người không rõ nhân thân, lai lịch 03 giao dịch với số tiền 19.440.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), Đặng Thị Mộng T14 thanh toán dùm người không rõ nhân thân, lai lịch 03 giao dịch với số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), Lý Bạch C3 thực hiện 03 giao dịch với số tiền 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng), Nguyễn Quốc H8 thực hiện 06 giao dịch với số tiền 51.600.000 đồng (năm mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng), Nguyễn Minh T15 thực hiện 01 giao dịch với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), Lê Thanh T16 thực hiện 02 giao dịch với số tiền 12.200.000 đồng (mười hai triệu hai trăm nghìn đồng), Huỳnh Nhan Thiện T17 thực hiện 05 giao dịch với số tiền 86.595.000 đồng (tám mươi sáu triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng), Nguyễn Thị Bích V1 thực hiện 04 giao dịch với số tiền 32.375.000 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), Nguyễn Thị Bích L5 thực hiện 06 giao dịch với số tiền 33.600.000 đồng (ba mươi

ba triệu sáu trăm nghìn đồng), Trần Thị V2 thực hiện 01 giao dịch với số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng), Nguyễn Thị Tuyết N7 thực hiện 01 giao dịch với số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), Nguyễn Văn N8 thực hiện 01 giao dịch với số tiền 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng), Nguyễn Phước L6 thực hiện 01 giao dịch với số tiền 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Số tiền mặt 770.342.000 đồng (bảy trăm bảy mươi triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng) còn lại thu được từ các chủ phương tiện sà lan, chủ lò gạch có mua khoáng sản của nhóm bị can Võ Văn T, xác định được những người sau: Nguyễn Văn Q, Châu Văn Dũng E, Dương Bửu T7, Nguyễn Duy P1, Lê Văn T18, Nguyễn Quốc K, Dương Gia T19, Nguyễn Tấn L7, Nguyễn Thị Thúy L8. Tuy nhiên, do thanh toán tiền mặt, không có ghi chép sổ sách nên không thể xác định cụ thể số tiền của từng người, không xác định chính xác thời điểm thanh toán. Xét thấy, những người trên đã mua khoáng sản đều không biết khoáng sản do nhóm bị can T18 khai thác trái phép bán, do đó không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người này là phù hợp.

*** Kết quả trưng cầu giám định, định giá tài sản:**

Công văn số 1201/STNMT-ĐĐ&KS ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K xác định khu vực đất bị khai thác có tổng trữ lượng là 124.132,08m^2.

Kết luận giám định tư pháp ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K kết luận 09 mẫu vật đất gửi giám định (thu giữ tại địa điểm khai thác) là đất sét.

Công văn số 1939/STNMT-ĐĐ&KS ngày 07 thàng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K xác định tại khu vực bị khai thác (thửa đất số 25, 26, tờ bản đồ số 5, ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang) không thuộc Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (theo Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh) và không cấp phép khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân nào tại thửa đất trên.

Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự huyện H, tỉnh Kiên Giang xác định tổng giá trị 02 máy đào, 02 ô tô tải mà các bị can sử dụng khai thác khoáng sản là 780.000.000 đồng (bảy trăm tám mươi triệu đồng).

Kết luận định giá tài sản số 68/KL-HĐĐGTS ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự tỉnh Kiên Giang xác định giá trị khoáng sản đất sét bị khai thác (124.132,08m^3) là 17.875.019.520 đồng (mười bảy tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu không trăm mười chín nghìn năm trăm hai mươi đồng) và G tại thời điểm bị bắt quả tang (47,5m^3) là 6.840.000 đồng (sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Đơn giá khoáng sản (đất sét) là 144.000 đồng/m^3.

Kết luận giám định số 216/KL-KTHS ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Phòng K2 Công an tỉnh K kết luận chữ ký trong sổ ghi chép do Phạm Trí H2 ghi là của Võ Văn T và ông Trần Đức T9 (địa chỉ: ấp F, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ).

*** Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:**

- 01 (một) máy đào bánh xích, nhãn hiệu SUMITOMO; biển số: không; số khung: S280F26462; số máy: không xác định; màu sơn: vàng; đã qua sử dụng;

- 01 (một) máy đào bánh xích, nhãn hiệu HITACHI; mã kiểu loại: EX 200-1; biển số: không; số khung: 14532234; số máy: 6BD1561900; màu sơn: cam; đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, loại phím bấm, màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, màu xanh, số seri RF8R30DK28E, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy S9+, màu tím, số seri R58K2422DVM, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, số seri F78WW27RG5MP, đã qua sử dụng;

- 01 (một) Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) số 103442052011 ngày 28/7/2020;

- 01 (một) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu số 20KMC/225158 ngày 17 tháng 8 năm 2020;

- 01 (một) hóa đơn giá trị gia tăng số 0000015 ngày 02 tháng 3 năm 2021;

- 01 (một) giấy tờ mua bán giữa Nguyễn Tấn K1 và Nguyễn Văn C;

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK949919, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BG01090/3360/QĐ-UBND, do UBND huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29 tháng 10 năm 2009 cho bà Huỳnh Thúy D3 (sinh năm 1982, CMND số 370932377, địa chỉ thường trú: Thành phố R, tỉnh Kiên Giang). Ngày 28 tháng 12 năm 2020, biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn M (sinh năm 1982, CMND số 370945627, địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang);

- 01 (một) trang bổ sung kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên; và nhiều đồ vật tài liệu khác có liên quan (được liệt kê theo nội dung án sơ thẩm).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 117/2023/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, đã quyết định:

Tuyên bố:

Các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Văn C, Phạm Trí H2 và Trần Phú H đều phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"*.

1. Áp dụng: Điểm a và b khoản 2 Điều 227, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

2. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

3. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Phạm Trí H2 02 (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

4. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Trần Phú H 02 (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về "Biện pháp tư pháp", án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo theo luật định.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 và ngày 08 tháng 01 năm 2024, các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Văn C, Trần Phú H và Phạm Trí H2 có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, theo đó:

+ Nội dung kháng cáo: Các bị cáo T, C, H2, H đều kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo. Ngoài ra, bị cáo T xin không buộc nộp tiền thu lợi bất chính.

+ Lý do kháng cáo:

1. Bị cáo Võ Văn T trình bày: Bị cáo là hộ cận nghèo, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, ít học, kiến thức pháp luật còn hạn chế, bản thân luôn là công dân tốt chưa có tiền án, tiền sự, gia đình gương mẫu, nuôi dạy con có kết quả học tập tốt được chính quyền địa phương xác nhận. Mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng bị cáo đã cố gắng hết sức để nộp tiền thu lợi bất chính, và khắc phục phần lớn hậu quả do mình gây ra bằng cách san lấp lại toàn bộ khối lượng tài nguyên đã bốc dỡ đang còn tại hiện trường, xin đất bờ của người khác (không thuộc trường hợp khai thác trái phép tài nguyên), thuê máy móc thiết bị bốc dỡ, vận chuyển, san lấp lại phần lớn đất đã khai thác, san ủi mặt bằng đồng ruộng, bị cáo đã dùng phần lớn số tiền bán tài nguyên đã khai thác để khắc hậu quả nên không còn tiền để nộp tiền thu lợi bất chính mà án sơ thẩm đã tuyên. Vì vậy, bị cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

2. Bị cáo Phạm Trí H2 trình bày: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thực chất chỉ là người làm thuê, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, chỉ nghĩ được thuê trả công hàng tháng 7.000.000 đồng là có tiền lo cho gia đình. Khi sự

việc xảy ra, bản thân bị cáo nhận thức được việc làm vi phạm pháp luật của mình nên chủ động khai báo, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để làm rõ sự việc, gia đình bị cáo đã chủ động khắc phục hậu quả đã xảy ra, bị cáo là hộ cận nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính vẫn còn cha già 85 tuổi, vợ 55 tuổi bị bệnh suy tim nên thường xuyên phải thuốc thang, con đang đi học đại học. Vì thế, bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

3. Bị cáo Nguyễn Văn C trình bày: Gia đình bị cáo thuộc hoàn cảnh khó khăn, ít học, kiến thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo là bộ đội xuất ngũ, đang ở nhờ bên nhà vợ, hai con còn nhỏ, phương tiện bị cáo dùng để san lấp, bị cáo cũng vay mượn tiền để mua nay vẫn chưa trả hết nợ vay. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra, truy tố, xét xử để làm rõ vụ án, dù hoàn cảnh khó khăn nhưng bị cáo cũng đã cố gắng nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Vì thế, bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

4. Bị cáo Trần Phú H trình bày: Bị cáo là người làm thuê hưởng lương hàng tháng, gia đình thuộc hoàn cảnh khó khăn, ít học, kiến thức pháp luật hạn chế, bị cáo là lao động chính lo làm kiếm tiền chăm sóc cha đang bị bệnh tai biến, vợ ly hôn, bị cáo phải nuôi con còn nhỏ. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra sớm làm rõ vụ án, dù hoàn cảnh khó khăn bị cáo cũng đã lo nộp đủ số tiền thu lợi bất chính. Vì thế, bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Võ Văn T, Phạm Trí H2, Võ Văn C4, Trần Phú H phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"* theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, không oan sai. Khi quyết định hình phạt, Tòa sơ thẩm cũng đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ và đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu mới để xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Các bị cáo Võ Văn T, Phạm Trí H2, Nguyễn Văn C, Trần Phú H có kháng cáo cùng trình bày: Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo thừa nhận tội danh Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"* là đúng người, đúng tội, không oan sai. Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đang nuôi cha mẹ già và lo cho con cái ăn học, phương tiện để trang trải cuộc sống đã bị tịch thu, hiện tại không còn khả năng làm ra tiền. Vì vậy, mong Hội đồng xét xử xem

xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Võ Văn T trình bày thêm: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã nộp thêm 5.200.000 đồng số tiền thu lợi bất chính theo Biên lai thu tiền số 0001368 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, bị cáo đã sử dụng số tiền mua bán tài nguyên để dùng vào việc khắc phục hậu quả nên hiện tại bị cáo không còn khả năng nộp tiền khắc phục.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo để các bị cáo sớm được về làm ăn, trang trải cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đối với kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung án sơ thẩm đã tuyên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cấp sơ thẩm và các chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 15 tháng 5 năm 2021 đến ngày 04 tháng 8 năm 2021, Võ Văn T thuê một số đối tượng thực hiện khai thác khoáng sản khi chưa được cấp phép của cơ quan có thẩm quyền tại địa chỉ tổ I, ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang, cụ thể: Thuê Phạm Trí H2 đo tính số lượng, bán, thu và quản lý tiền khai thác khoáng sản, thuê Nguyễn Văn H4 bơm nước, thuê Nguyễn Văn C thực hiện khai thác và vận chuyển khoáng sản. C thuê Lê Văn H5, Phạm Văn S điều khiển máy đào không biển số kiểm soát, khai thác khoáng sản lên xe, thuê bị cáo Trần Phú H và một người tên S1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe ô tô tải vận chuyển khoáng sản xuống sà lan do Lê Văn P điều khiển.

Theo Kết quả điều tra và T khai nhận, từ ngày 15 tháng 5 năm 2021 đến ngày 04 tháng 8 năm 2021, T đã tổ chức khai thác khoáng sản trái phép tổng cộng là 34.502,5m^3, trong đó đã bán 34.455m^3 (đất đỏ 31.830m^3, đất đen 2.625m^3),

riêng ngày bắt quả tang là 47,5m^3. Tổng số tiền Võ Văn T thu lợi bất chính là 1.434.600.000 đồng (một tỷ bốn trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), của Nguyễn Văn C là 463.371.400 đồng (bốn trăm sáu mươi ba triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn bốn trăm đồng).

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"* theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Các bị cáo Nguyễn Văn C, Phạm Trí H2 và Trần Phú H phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2.2] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo:

Các bị cáo biết và nhận thức được nguồn tài nguyên khoáng sản dưới lòng đất là nguồn tài sản vốn quý của quốc gia, luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm. Tuy nhiên, vì mục đích hám lợi mà các bị cáo bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo, liều lĩnh. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã có sự chuẩn bị nhân lực, các công cụ, phương tiện như xe cuốc, xe ben chở đất, xe đào, sà lan…

Trong vụ án này, bị cáo T là người giữ vai trò chính, chủ mưu, khởi xướng việc phạm tội. Bị cáo sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Văn M, đã trực tiếp thuê các bị cáo H2, H và C để thực hiện việc khai thác, vận chuyển và bán khoáng sản khai thác được, thu lợi bất chính số tiền rất lớn. Đối với các bị cáo H2, H, C là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo T thực hiện hành vi khai thác trái phép khoáng sản. Mặc dù biết bị cáo T khai thác trái phép khoáng sản nhưng các bị cáo vì mục đích hám lợi vẫn bất chấp, cố ý cùng bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo H2 có nhiệm vụ đo, tính số lượng bán, thu và quản lý tiền khai thác khoáng sản, bị cáo H dùng xe ô tô tải để vận chuyển khoáng sản xuống sà lan, bị cáo C thực hiện việc khai thác và vận chuyển khoáng sản…

Xét thấy, hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý, thăm dò khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản dưới lòng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương, từ đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ sinh thái, môi trường, làm thất thoát nguồn khoáng sản và gây mất trật tự trị an nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với từng hành vi phạm tội của mỗi bị cáo để răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2.3] Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo H2 đã nộp lại khoản thu lợi bất chính, các bị cáo T, C và H đã nộp lại một phần khoản thu lợi bất chính. Bản thân các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là lao động làm thuê, bị cáo T gia đình là hộ cận nghèo…Tòa sơ thẩm cho các bị cáo hưởng

tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định.

Riêng kháng cáo của bị cáo T cho rằng sau khi phạm tội, bản thân bị cáo đã xin đất của người khác để khắc phục lại phần đất mà bị cáo đã khai thác trái phép, với tổng chi phí hơn 2.066.000.000 đồng (hai tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương, hiện trạng đất hiện nay đã ngập nước không tiến hành kiểm tra đo đạc được và không xác định được đã san lấp bao nhiêu. Ngoài ra, bị cáo cũng không cung cấp được các chứng từ hoá đơn cho chi phí trên trong quá trình điều tra và tại phiên toà nên Tòa sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

Do các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo nhưng không có chứng cứ để xem xét nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tuyên bố:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

2. Tuyên bố các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Văn C, Phạm Trí H2 và Trần Phú H đều phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"*.

2.1. Áp dụng: Điểm a và b khoản 2 Điều 227, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Võ Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.2. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.3. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Trí H2 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.4. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Trần Phú H 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Buộc bị cáo **Võ Văn T** nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.434.600.000 đồng (một tỷ bốn trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), khấu trừ số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009952 ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, bị cáo Võ Văn T còn phải nộp lại số tiền là (1.434.600.000 đồng – 30.000.000 đồng) = **1.404.600.000 đồng** (một tỷ bốn trăm linh bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Võ Văn T nộp thêm số tiền thu lợi bất chính là 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001368 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, sẽ được đối trừ vào số tiền bị cáo phải nộp trong giai đoạn thi hành án.

- Buộc bị cáo **Nguyễn Văn C** nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 463.371.400 đồng, khấu trừ số tiền bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009953 ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, bị cáo C còn phải nộp lại số tiền là (463.371.000 đồng – 20.000.000 đồng) = **443.371.000 đồng** (bốn trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bay mươi mốt nghìn bốn trăm đồng).

- Buộc bị cáo **Nguyễn Trí H9** nộp lại số tiền thu lợi bất chính là **15.000.000 đồng** (mười lăm triệu), khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009939 ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Bị cáo C đã nộp xong.

- Buộc bị cáo **Trần Phú H** nộp lại số tiền thu lợi bất chính là **17.000.000** (mười bảy triệu) đồng, khấu trừ số tiền bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009955 ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, bị cáo H còn phải nộp lại số tiền là (17.000.000 đồng – 10.000.000 đồng) = **7.000.000 đồng** (bảy triệu đồng).

- Đối vối tiền khắc phục đất sét đã bị mất do ông Nguyễn Văn H6 tự nguyện nộp là **6.840.000** đồng (sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước. (Theo giấy nộp tiền ngày 22 tháng 5 năm 2022 tại Ngân hàng TMCP C5 - Chi nhánh K3, theo bút lục số 362).

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Võ Văn T, Phạm Trí H2, Nguyễn Văn C, Trần Phú H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Quyết định khác của án sơ thẩm về các Biện pháp tư pháp còn lại, về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu HS (5), VT (2), 35b, (TK-PH).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tửu